

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày 17 tháng 02 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Kim Thúy, ông Phùng Đình Chúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2023/TLST- HS ngày 12 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 02 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Trần Xuân T, sinh ngày 31/8/1983; nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 và bà Trương Thị L (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và 01 con; tiền sự: Không;

- Tiền án:

+ Tại Bản án số 47/HSST/2011 ngày 28/6/2011 của TAND huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt T 07 năm 03 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 24/01/2017 chấp hành xong hình phạt tù ra trại, ngày 16/8/2011 chấp hành xong khoản 200.000đ tiền án phí HSST.

+ Tại Bản án số 50/HSST/2019 ngày 15/7/2019 của TAND huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt T 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 19/10/2020 chấp hành xong hình phạt tù ra trại, ngày 21/8/2019 chấp hành xong khoản 200.000đ tiền án phí HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2022 đến nay (có mặt).

2. Đỗ Văn B, sinh ngày 10/01/1967; nơi cư trú: Thôn Y, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 05/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Đ và bà Đặng Thị T2 (đều đã chết); có vợ là Trần Thị X và 02 con (con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992); tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Tại Bản án số 825/HSST/2000 ngày 23/3/2000 của TAND thành phố Hồ Chí Minh xử phạt B 14 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, ngoài ra Bản án còn buộc B phải chấp hành 50.000đ tiền án phí HSST và 20.000.000đ tiền phạt. Ngày 16/11/2010 chấp hành xong hình phạt tù ra trại. Ngày 07/7/2017 B chấp hành xong khoản 50.000đ tiền án phí HSST và nộp 450.000đ tiền phạt. Số tiền phạt còn lại là 19.550.000đ, năm 2017 B được giảm nghĩa vụ thi hành án số tiền 4.887.000đ theo Quyết định giảm nghĩa vụ thi hành án số 10/2017/QĐ – VDS ngày 18/8/2017 của TAND huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2019, B được giảm nghĩa vụ thi hành án số tiền 3.665.000đ theo Quyết định giảm nghĩa vụ thi hành án số 10/2019/QĐ – GNVTHA ngày 17/6/2019 của TAND huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2021, B được giảm nghĩa vụ thi hành án số tiền 2.749.500đ theo Quyết định giảm nghĩa vụ thi hành án số 06/2021/QĐ – GNVTHA ngày 05/02/2021 của TAND huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2022, B được miễn nghĩa vụ thi hành án số tiền phải thi hành còn lại là 8.248.500đ theo Quyết định miễn nghĩa vụ thi hành án số 08/2022/QĐ – THA ngày 08/7/2022 của TAND huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/8/2022 đến ngày 17/8/2022 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại địa phương (có mặt)

*** Người làm chứng:** Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào một buổi tối khoảng cuối tháng 7/2022, Trần Xuân T, (T không nhớ rõ ngày) điều khiển xe mô tô một mình trên đường đi từ thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc về nhà mình thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi đi đến địa phận xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc thì T dừng xe mô tô lại để đi vệ sinh cá nhân. T phát hiện thấy có 01 túi vải màu đen ở vệ đường, T nhặt túi vải đó lên, mở ra xem thì phát hiện bên trong túi có 01 khẩu súng ngắn dạng súng côn và 11 viên đạn. Lúc này do đã muộn, đường không có người đi lại, T nghĩ không có ai nhìn thấy, biết việc T nhặt được súng, đạn nên đã nảy sinh ý định cất giấu khẩu súng và 11 viên đạn này để phòng thân. Sau đó, T cất khẩu súng và 11 viên đạn vào túi quần đang mặc, còn chiếc túi vải đen T vứt bỏ trên đường đi về. Khi về đến nhà, T cất giấu khẩu súng và 11 viên đạn nhặt được vào bên trong tủ quần áo tại phòng ngủ của T ở thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nhà T chỉ T và ông Trần Huy T1 sinh năm 1957 là bố T ở).

Sáng ngày hôm sau khi ông T1 đi làm vắng, T lấy khẩu súng và 11 viên đạn này ra xem. Do T đã đi nghĩa vụ quân sự và qua các phương tiện thông tin đại

chúng nên T thấy cấu tạo các bộ phận của khẩu súng và số viên đạn nhắt được có đặc điểm như các khẩu súng, đạn thật trong quân đội. Mặc dù T biết việc tàng trữ vũ khí quân dụng mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng T nghĩ không ai biết việc T nhắt được khẩu súng và 11 viên đạn này nên đã không báo cáo, giao nộp cho Cơ quan chức năng theo quy định mà tiếp tục cất giấu với mục đích để phòng thân.

Đến chiều ngày 07/8/2022, T nghĩ việc cất giấu khẩu súng và 11 viên đạn nêu trên ở nhà không an toàn, sợ người khác biết, phát hiện, nên đã nảy sinh ý định mang khẩu súng và 11 viên đạn này đến địa điểm khác để cất giấu. Do quen biết và là bạn với Đỗ Văn B, sinh năm 1967, trú tại thôn Yên Dương, xã Trung Kiên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc và thỉnh thoảng đến nhà B chơi nên T biết B thường xuyên ở nhà một mình, vợ và con của B thì đi làm không có mặt ở nhà, T nghĩ việc cất giấu súng, đạn tại nhà B sẽ an toàn, ít bị phát hơn nên đã nảy sinh ý định mang khẩu súng và 11 viên đạn đến nhà B để nhờ B cất giấu hộ. Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, T giấu khẩu súng cùng 11 viên đạn vào trong người rồi một mình gọi xe taxi mang theo súng, đạn đến nhà B để nhờ cất giấu hộ.

Khi đến nhà B, T thấy có B ở nhà và có anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1977, trú tại xã T, huyện M, TP Hà Nội đang ngồi chơi, uống nước tại phòng khách nhà B. Gặp B, T nói với B: *“em có khẩu súng và ít đạn, anh cất hộ em, khi nào cần em sẽ đến lấy sau”*, đồng thời T lấy từ trong túi quần bên phải đang mặc ra khẩu súng và 11 viên đạn đưa cho B. Do B đã đi nghĩa vụ quân sự, tiếp xúc với các loại súng, đạn nên khi cầm khẩu súng và 11 viên đạn, thì B thấy súng, đạn T đưa cho có cấu tạo, đặc điểm như các khẩu súng, đạn thật trong quân đội, nên B biết khẩu súng, đạn T đưa cho nhờ cất giấu là vũ khí quân dụng. B biết việc tàng trữ vũ khí quân dụng mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng do là bạn bè thân thiết, chơi với nhau nên B đồng ý cất giấu hộ T khẩu súng và 11 viên đạn. Sau đó, B cầm khẩu súng và 11 viên đạn mang vào cất giấu tại tủ quần áo trong phòng ngủ của B, còn T đi về. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, trong khi B và Hạnh vẫn đang ngồi uống nước tại nhà B thì Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc vào kiểm tra, phát hiện trong tủ quần áo trong phòng ngủ của Đỗ Văn B 01 khẩu súng và 11 viên đạn. Sau đó, Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành lập biên bản sự việc và tạm giữ khẩu súng cùng 11 viên đạn theo quy định.

Về vật chứng thu giữ: 01 khẩu súng quân dụng là súng tự chế kiểu ổ quay và 11 viên đạn được niêm phong theo quy định của pháp luật.

***Kết quả giám định:**

Ngày 08/8/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu giám định số 330, trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an

giám định khẩu súng và 11 viên đạn thu giữ tại nhà Đỗ Văn B để xác định có phải là vũ khí quân dụng không.

Tại bản kết luận giám định số 5239 ngày 08/8/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

- *Mẫu vật dạng khẩu súng gửi giám định là súng tự chế kiểu ổ quay cỡ nòng 5,6mm, thuộc vũ khí quân dụng. Hiện tại, súng còn sử dụng để bắn được.*

- *11 mẫu vật dạng viên đạn gửi giám định là đạn thể thao cỡ 5,6 x 15mm, không phải vũ khí quân dụng và sử dụng lắp, bắn được cho khẩu súng nêu trên.*

(Giám định viên đã sử dụng 03 viên đạn gửi giám định để phục vụ công tác giám định).

Về kết quả xác minh nguồn gốc khẩu súng trên:

Cơ quan An ninh điều tra- Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã phối hợp với các đơn vị gồm: Cục Quân khí- Tổng cục kỹ thuật- Bộ Quốc phòng, Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ Công an, Cục Trang bị và kho vận- Bộ Công an để rà soát, xác minh nguồn gốc vũ khí quân dụng là khẩu súng tự chế kiểu ổ quay nêu trên. Kết quả xác định không có đơn vị nào quản lý, sử dụng, cấp phép hay bị thất lạc hoặc thụ lý vụ án, vụ việc nào có vật chứng nêu trên.

Cơ quan An ninh điều tra- Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tiến hành rà soát, tra cứu toàn quốc trên hệ thống truy nã, truy tìm của Bộ Công an, kết quả xác định: Khẩu súng là vật chứng của vụ án nêu trên không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng của bất kỳ vụ án, vụ việc nào.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng số: 10/VKS-P2 ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Trần Xuân T về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo điểm h khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015; Đỗ Văn B về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

-Các bị cáo Trần Xuân T, Đỗ Văn B hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Xuân T, Đỗ Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Xuân T từ 06 năm tù đến 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 08/8/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Văn B từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Thời hạn

chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/8/2022 đến ngày 17/8/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 khẩu súng kiểu ổ quay và 08 viên đạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Xuân T, Đỗ Văn B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng; phù hợp với tài liệu, vật chứng đã thu giữ, các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng cuối tháng 7/2022, Trần Xuân T (T không nhớ rõ ngày) trên đường đi từ thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc về nhà mình ở thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi đi đến địa phận xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc thì T nhặt được 01 túi vải màu đen bên trong có 01 khẩu súng ngắn dạng súng côn và 11 viên đạn. T biết đây là vũ khí quân dụng không được phép tàng trữ nhưng T mang về nhà mình cất giấu tại tủ quần áo trong phòng ngủ của T. Đến khoảng 16 giờ 00 phút ngày 07/8/2022, T mang khẩu súng và 11 viên đạn này đến nhà Đỗ Văn B nhờ B cất giấu hộ. Sau khi đến nhà và gặp B, T nói với B: “*em có khẩu súng và ít đạn, anh cất hộ em, khi nào cần em sẽ đến lấy sau*”, đồng thời T lấy từ trong túi quần bên phải đang mặc ra khẩu súng và 11 viên đạn đưa cho B. B biết đây là vũ khí quân dụng không được phép tàng trữ nhưng do là bạn bè thân thiết, chơi với nhau nên B đồng ý cất giấu hộ T khẩu súng và 11 viên đạn. Sau đó, B cầm khẩu súng và 11 viên đạn mang vào cất giấu tại tủ quần áo trong phòng ngủ của B, còn T đi về. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày thì Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc vào kiểm tra, phát hiện thu giữ trong tủ quần áo trong phòng ngủ của Đỗ Văn B 01 khẩu súng và 11 viên đạn. Kết quả giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định: khẩu súng

mà T và B cất giấu gửi giám định là súng tự chế kiểu ổ quay cỡ nòng 5,6mm, thuộc vũ khí quân dụng.

Hành vi tàng trữ khẩu súng tự chế kiểu ổ quay cỡ nòng 5,6mm nêu trên khi không được cơ quan có thẩm quyền cho phép của Đỗ Văn B đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Đối với Trần Xuân T tại Bản án số 50/HSST/2019 ngày 15/7/2019 của TAND huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết tăng nặng “tái phạm”, chưa được xóa án tích, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Do vậy, Trần Xuân T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” với tình tiết định khung tăng nặng là “tái phạm nguy hiểm”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015. Nội dung điều luật quy định:

Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1/ Người nào ... tàng trữ, ...trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm

2/ Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

a/ ...

h/ Tái phạm nguy hiểm”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Xuân T, Đỗ Văn B là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung, phục vụ tốt việc giữ vững an ninh chính trị tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng do lối sống buông thả nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Trần Xuân T có 02 tiền án chưa được xóa án tích: Tại Bản án số 47/HSST/2011 ngày 28/6/2011 của TAND huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt T

07 năm 03 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 24/01/2017 chấp hành xong hình phạt tù ra trại, ngày 16/8/2011 chấp hành xong khoản tiền 200.000đ tiền án phí HSST và Tại Bản án số 50/HSST/2019 ngày 15/7/2019 của TAND huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt T 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 19/10/2020 chấp hành xong hình phạt tù ra trại, ngày 21/8/2019 chấp hành xong khoản 200.000đ tiền án phí HSST. Đối với bị cáo Đỗ Văn B có nhân thân xấu, tại Bản án số 825/HSST/2000 ngày 23/3/2000 của TAND thành phố Hồ Chí Minh xử phạt B 14 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, ngoài ra Bản án còn buộc B phải chấp hành 50.000đ tiền án phí HSST và 20.000.000đ tiền phạt. Ngày 16/11/2010 chấp hành xong hình phạt tù ra trại. Ngày 07/7/2017 B chấp hành xong khoản 50.000đ tiền án phí HSST và nộp 450.000đ tiền phạt. Số tiền phạt còn lại là 19.550.000đ, B được giảm nghĩa vụ thi hành án và miễn nghĩa vụ thi hành án. Các bị cáo đều là người có tiền án, nhân thân xấu song các bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện phạm tội. Do vậy, cần xử lý nghiêm minh đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục riêng, răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Đối với Nguyễn Thê H, sinh năm 1977, trú tại xã T, huyện M, thành phố Hà Nội, khi T mang súng, đạn đến nhờ B cất giấu thì Hạnh có mặt tại nhà B. Kết quả điều tra xác định: Khi T đến gặp B trao đổi về việc nhờ B cất giấu súng và đạn thì H không ghe thấy T và B trao đổi với nhau như thế nào, H chỉ ngồi ở bàn uống nước, không tham gia vào việc cất giấu súng, đạn của T và B. Anh H dự định ngay sau khi ra về sẽ trình báo cơ quan chức năng về việc B cất giấu súng và đạn trong nhà, nhưng do B bảo H ở lại ăn cơm cùng với B. Do sợ B nên H phải ở lại, nếu không đồng ý ở lại thì sẽ bị B nghi ngờ, do vậy H đã đồng ý ở lại, sau khi ăn cơm xong, ra về sẽ trình báo cơ quan chức năng sự việc. Nhưng chưa kịp về thì đã bị cơ quan Công an phát hiện, lập biên bản sự việc. Do vậy, không đủ căn cứ để xử lý H về tội Không tố giác tội phạm theo quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Đối với ông Trần Huy T1, SN 1957, trú tại thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (là bố Trần Xuân T) là chủ nhà nơi T giấu khẩu súng, đạn khi nhặt được. Kết quả điều tra xác định: Do hàng ngày ông đi làm đến tối mới về nhà, T thường xuyên đi lang thang, ông và T không nói chuyện, không ăn cơm cùng nhau. Việc T tàng trữ, cất giấu súng, đạn tại nhà ở của ông thì ông T1 không biết, không tham gia cất giấu cùng T. Do vậy, việc Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc không đề cập xử lý đối với ông T1 là có căn cứ, đúng quy định.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với khẩu súng kiểu ổ quay và 08 viên đạn (do cơ quan giám định hoàn lại sau giám định) hiện đang được niêm phong, bảo

quản tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Vĩnh Phúc theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/9/2022 giữa Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Vĩnh Phúc và Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Xuân T, Đỗ Văn B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Xuân T, Đỗ Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

1. Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Xuân T 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 08/8/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân B 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2022 đến ngày 17/8/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 khẩu súng kiểu ổ quay và 08 viên đạn hiện đang được niêm phong, bảo quản tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Vĩnh Phúc theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/9/2022 giữa Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Vĩnh Phúc và Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Xuân T, Đỗ Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện KSND cấp cao tại Hà Nội;
- Viện KSND tỉnh Vĩnh phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THA dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Lưu: Phòng HC-TP; Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Mạnh

